TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ba Tri, ngày 20 tháng 9 năm 2019

Số: 64/2019/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 221/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Văn Thị Thanh T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 24/3, tổ 19, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn C, sinh năm 1953.

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: 135/VĐTr ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị T đồng ý còn nợ và đồng ý liên đới thanh toán cho bà Văn Thị Thanh T số tiền vay là 243.687.500đ (Hai trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm đồng); Thời gian và số tiền cụ thể ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Văn Thị Thanh T được ấn định cụ thể như sau:

Ngày 15/10/2019 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Ngày 15/11/2019 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Ngày 15/12/2019 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Ngày 15/01/2020 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Ngày 15/02/2020 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Ngày 15/3/2020 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Ngày 15/4/2020 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Ngày 15/5/2020 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Ngày 15/6/2020 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Ngày 15/7/2020 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/8/2020 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/9/2020 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/10/2020 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/11/2020 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/12/2020 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/01/2021 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/02/2021 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/3/2021 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/4/2021 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/5/2021 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/6/2021 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/7/2021 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/8/2021 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/9/2021 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/10/2021 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/11/2021 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/12/2021 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/01/2022 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/02/2022 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/3/2022 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/4/2022 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/5/2022 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/6/2022 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/7/2022 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/8/2022 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/9/2022 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/10/2022 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/11/2022 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/12/2022 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/01/2023 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/02/2023 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/3/2023 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/4/2023 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/5/2023 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/6/2023 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/7/2023 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/8/2023 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
Ngày 15/9/2023 thanh toán số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Ngày 15/10/2023 thanh toán số tiền 3.687.500đ (Ba triệu, sáu trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Trường hợp ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị T không thanh toán tiền đúng theo thời gian đã thỏa thuận nêu trên thì bà Văn Thị Thanh T được quyền yêu cầu Thi hành án toàn bộ số tiền ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán kể cả các khoản tiền chưa tới hạn thanh toán theo thỏa thuận.

2.2. Án phí DS-ST có giá ngạch do hòa giải thành được giảm 50% là 6.092.187đ (Sáu triệu, không trăm chín mươi hai ngàn, một trăm tám mươi bảy đồng):

Nguyên đơn bà Văn Thị Thanh T có nghĩa vụ nộp số tiền án phí 3.046.093đ (Ba triệu, không trăm bốn mươi sáu ngàn, không trăm chín mươi ba đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Số tiền án phí phải nộp bà T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.350.000đ (Sáu triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006555 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Sau khi khấu trừ bà T còn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn dư là 3.303.907đ (Ba triệu, ba trăm lẻ ba ngàn, chín trăm lẻ bảy đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri;

Bị đơn ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp số tiền án phí 3.046.093đ (Ba triệu, không trăm bốn mươi sáu ngàn, không trăm chín mươi ba đồng) nhưng do ông C, bà T thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp số tiền án phí nói trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *Chi cục THADS huyện Ba Tri;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Rẻn